

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 88 /QĐ-UBND

Quảng Ninh, ngày 12 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng
Ninh đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Văn bản hợp nhất Luật xây dựng số 02/VBHN-VPQH ngày 15/7/2020 của Văn phòng Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 44/2015/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ, đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ nhiệm vụ Quy hoạch tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 479/QĐ-TTg ngày 07/4/2020;

Căn cứ Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Quảng Ninh đến năm 2030, tầm nhìn ngoài năm 2050 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1588/QĐ-UBND ngày 28/7/2014;

Căn cứ Quy hoạch chung xây dựng huyện Ba Chẽ giai đoạn 2010 - 2025 tầm nhìn ngoài năm 2025 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định 3921/QĐ-UBND ngày 21/12/2010;

Căn cứ Nhiệm vụ Quy hoạch xây dựng vùng huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050 được UBND tỉnh Quyết định số 388/QĐ-UBND ngày 15/02/2022;

Căn cứ Thông báo số 806-TB/TU ngày 23/12/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy “V/v lập Quy hoạch xây dựng vùng huyện Ba Chẽ”;

Căn cứ Văn bản số 6342/UBND-QH3 ngày 29/12/2022 của UBND tỉnh “V/v triển khai hoàn thiện Quy hoạch xây dựng vùng huyện Ba Chẽ đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050”;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 213/TTr-SXD ngày 29/12/2022 “V/v phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050”.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050 với các nội dung chính sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch xây dựng vùng huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050.

2. Phạm vi ranh giới, quy mô và thời hạn quy hoạch

2.1. Phạm vi ranh giới: Phạm vi ranh giới lập quy hoạch bao gồm toàn bộ địa giới hành chính huyện Ba Chẽ với 08 đơn vị hành chính trực thuộc (Thị trấn Ba Chẽ và 07 xã: Đạp Thanh, Đồn Đạc, Lương Mông, Minh Cẩm, Nam Sơn, Thanh Lâm, Thanh Sơn); giới hạn như sau: Phía Bắc giáp huyện Đình Lập - tỉnh Lạng Sơn; Phía Nam giáp thành phố Hạ Long và Thành phố Cẩm Phả; Phía Đông giáp huyện Tiên Yên; Phía Tây giáp huyện Sơn Động - tỉnh Bắc Giang.

2.2. Quy mô diện tích: 606,5km² (60.648,10ha).

2.3. Thời hạn lập quy hoạch: Giai đoạn ngắn hạn đến năm 2030; giai đoạn dài hạn đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050.

3. Mục tiêu lập quy hoạch

- Cụ thể hóa các định hướng phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ninh, quy hoạch kinh tế xã hội huyện Ba Chẽ, đảm bảo phù hợp với hiện trạng và nhu cầu phát triển xã hội của huyện.

- Phát huy các tiềm năng về dịch vụ chế biến nông, lâm sản; du lịch sinh thái, văn hóa đa dạng các dân tộc và cảnh quan tự nhiên; thế mạnh về sản xuất nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp để tạo ra bước tăng trưởng kinh tế, nâng cao vai trò vị thế của huyện Ba Chẽ.

- Phát huy tiềm năng và lợi thế của địa phương để thúc đẩy kinh tế tăng trưởng nhanh và bền vững; thúc đẩy văn hóa - xã hội phát triển; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng cao; quốc phòng an ninh vững chắc; mục tiêu xây dựng huyện Ba Chẽ giàu mạnh, văn minh, là huyện dẫn đầu trong phát triển sản xuất, chế biến lâm nghiệp của tỉnh;

- Hình thành phát triển hệ thống phát triển đô thị, các điểm dân cư nông thôn; phát triển không gian cho các lĩnh vực nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp - xây dựng, du lịch dịch vụ; tổ chức bổ sung hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và phân bố các công trình hạ tầng kỹ thuật, tổ chức môi trường bền vững ở đô thị trung tâm Ba Chẽ và các khu vực nông thôn;

- Xây dựng các tiêu chí hướng tới hình thành huyện nông thôn mới điển hình, đảm bảo các tiền đề cho phát triển đô thị trung tâm huyện Ba Chẽ sau năm 2030; bảo vệ môi trường, di sản văn hóa lịch sử, cảnh quan thiên nhiên. Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa địa phương.

- Tạo lập cơ sở pháp lý để triển khai và quản lý các quy hoạch, đất đai; làm tiền đề thu hút đầu tư, định hướng phát triển hợp lý các nguồn lực nhằm tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn huyện.

4. Tính chất, chức năng.

- Là nơi hội tụ, gắn kết, giao lưu văn hóa các dân tộc của huyện Ba Chẽ và bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa các dân tộc trong và ngoài tỉnh;

- Là khu vực phát triển du lịch văn hóa, du lịch sinh thái rừng, du lịch trải nghiệm gắn với thương mại nông nghiệp và phát triển du lịch cộng đồng trên cơ sở đảm bảo an toàn về quốc phòng - an ninh.

- Là khu vực ưu tiên về kinh tế nông, lâm nghiệp và chế biến lâm sản làm cơ sở cho sự phát triển kinh tế - xã hội cho huyện Ba Chẽ; phấn đấu và xây dựng thị trấn Ba Chẽ sớm trở thành đô thị loại IV sau năm 2030.

5. Các chỉ tiêu dự báo phát triển

5.1. Dự báo dân số:

- Dân số hiện trạng năm 2022 khoảng 27.500 người; gồm dân số thường trú 23.207 người (dân số đô thị 4.679 người, dân số nông thôn 18.528 người) và khách du lịch, lao động phục vụ, vắng lai khoảng 4.293 người;

- Dự báo đến năm 2030 khoảng 35.000 người; gồm dân số thường trú 30.000 người (dân số đô thị là 13.000 người, dân số nông thôn là 17.000 người) và dân số quy đổi (khách du lịch, người lao động phục vụ... khoảng 5.000 người;

- Dự báo đến năm 2040 khoảng 55.000 người; gồm dân số thường trú 44.000 người thường trú (dân số đô thị là 19.000 người, nông thôn 25.000 người), dân số quy đổi (khách du lịch, lao động phục vụ...) khoảng: 11.000 người.

5.2. Dự báo tỷ lệ đô thị hóa.

- Hiện trạng 2022: Tỷ lệ đô thị hóa khoảng 20%,
- Đến năm 2030: Tỷ lệ đô thị hóa khoảng 51%;
- Đến năm 2040: Tỷ lệ đô thị hóa khoảng 55%.

Ghi chú: Tỷ lệ đô thị hoá đến năm 2030 được tính toán trên cơ sở thị trấn mở rộng ra các khu vực xã Đồn Đạc, xã Nam Sơn. Tỷ lệ đô thị hoá đến năm 2040 được tính toán trên cơ sở định hướng mở rộng thị trấn Ba Chẽ và dự kiến thành lập thị trấn Lương Mông.

5.3. Dự báo nhu cầu, cơ cấu sử dụng đất

a. Dự báo nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030:

- Đất sản xuất nông nghiệp (bao gồm đất nông nghiệp, đất lâm nghiệp đất nuôi trồng thủy sản, đất nông nghiệp khác...): khoảng 56.227 ha (chiếm 92,7%).

- Đất phi nông nghiệp (bao gồm khu đô thị hiện trạng; đất khu đô thị định hướng mở rộng, hình thành mới, đất khu dân cư nông thôn, giao thông; hạ tầng xã hội; hạ tầng kỹ thuật; tôn giáo - tín ngưỡng; nghĩa trang; quốc phòng, an ninh, công nghiệp, dịch vụ thương mại, du lịch...): khoảng 4.420,76 ha (chiếm 7,3%).

- Dự báo đất xây dựng trên địa bàn huyện khoảng 3.444 ha (trong đó đất xây dựng đô thị khoảng 375 ha, đất xây dựng các điểm dân cư nông thôn khoảng 3.069 ha).

b. Dự báo nhu cầu sử dụng đất đến năm 2040, tầm nhìn đến 2050:

- Đất sản xuất nông nghiệp (bao gồm đất nông nghiệp, đất lâm nghiệp đất nuôi trồng thủy sản, đất nông nghiệp khác...): khoảng 55.789 ha (chiếm 92%).

- Đất phi nông nghiệp (bao gồm đô thị hiện trạng; đô thị định hướng mở rộng, hình thành mới, khu dân cư nông thôn, giao thông; hạ tầng xã hội; hạ tầng kỹ thuật; tôn giáo; nghĩa trang; quốc phòng, an ninh, công nghiệp, dịch vụ thương mại, du lịch...): khoảng 4.858 ha (chiếm 8%).

- Dự báo đất xây dựng trên địa bàn huyện khoảng 4.125 ha, trong đó: đất xây dựng đô thị khoảng 830 ha, đất xây dựng các điểm dân cư nông thôn khoảng 3.295 ha.

c) Bảng tổng hợp cơ cấu sử dụng đất toàn huyện:

Stt	Hạng mục	Hiện trạng 2021		Năm 2030		Năm 2040	
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
	Tổng cộng	60.648,10	100,0	60.648,10	100,0	60.648,10	100,0
I	Đất sản xuất nông nghiệp (nông, lâm, thủy sản)	55.747,40	91,9	56.227,34	92,7	55.789,93	92,0
1	Đất nông nghiệp	2.042,51	3,4	1.978,85	3,3	1.908,03	3,1
2	Đất lâm nghiệp	53.441,63	88,1	53.982,75	89,0	53.616,16	88,4
3	Đất nuôi trồng thủy sản, nông nghiệp khác	263,26	0,4	265,74	0,4	265,74	0,4
II	Đất phi nông nghiệp	3.105,54	5,1	4.420,76	7,3	4.858,17	8,0
1	Đất khu đô thị	92,10	0,15	248,20	0,4	417,00	0,7
-	Đất khu đô thị hiện trạng (1)	92,10	0,2	143,00	0,2	185,70	0,3
-	Đất khu đô thị định hướng mở rộng, hình thành mới (2)			105,20		231,30	0,4
2	Đất khu dân cư nông thôn	1.301,30	2,1	1.352,80	2,2	1.412,00	2,3
3	Đất chuyên dùng (giao thông; hạ tầng xã hội; hạ tầng kỹ thuật; hạ tầng kinh tế; tôn giáo - tín ngưỡng; nghĩa trang; an ninh,...)	623,32	1,0	744,59	1,2	824,69	1,4
4	Đất quốc phòng (3)	14,81		466,41	0,8	466,41	
5	Đất trụ sở cơ quan	10,82	0,02	10,82	0,02	15,60	0,03
6	Đất sản xuất kinh doanh			68,76	0,1	171,90	0,3
7	Đất công nghiệp, cụm công nghiệp	46,57	0,1	272,55	0,4	422,55	0,7
8	Đất dịch vụ thương mại, du lịch			225,20	0,4	563,00	0,9
9	Mặt nước (sông, kênh, rạch)	1.031,43	1,7	1.031,43	1,7	1.031,43	1,7

Stt	Hạng mục	Hiện trạng 2021		Năm 2030		Năm 2040	
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
III	Đất chưa sử dụng	1.795,16	3,0	-	-	-	-

Ghi chú: (1) Đất đô thị hiện trạng gồm: đất ở, đất vườn gắn với nhà ở và khu vực sản xuất, chăn nuôi hộ gia đình; (2) Đất đô thị định hướng mở rộng, hình thành mới gồm: đất đô thị định hướng mở rộng thuộc đô thị Ba Chẽ giai đoạn đến 2030, hình thành đô thị Lương Mông giai đoạn 2030-2040; (3) Đất quốc phòng gồm: đất quốc phòng giai đoạn quy hoạch một phần nằm trong khu vực đất nông nghiệp, đất lâm nghiệp.

6. Định hướng phát triển không gian vùng

6.1. Mô hình cấu trúc phát triển: Định hướng phát triển với 02 trọng tâm, 03 hành lang và 03 phân vùng:

- Hai trọng tâm: Đô thị Ba Chẽ và đô thị Lương Mông (dự kiến quy hoạch sau năm 2030).

- Ba hành lang: (1) Hành lang đô thị gắn với phát triển công nghiệp bản địa (công nghiệp chế nông, lâm sản) dọc đường tỉnh 330 từ Nam Sơn đến Thị trấn Ba Chẽ, Đạp Thanh, Lương Mông; (2) Hành lang dọc theo sông Ba Chẽ; (3) Hành lang sinh thái phía Bắc và phía Nam dọc đường tỉnh 342 gắn với các vùng cảnh quan tự nhiên.

- Ba phân vùng phát triển: (1) Phân vùng 1 - Vùng đô thị, dịch vụ du lịch phía Tây gồm 3 xã phía Tây là Đạp Thanh, Lương Mông, Minh Cầm; (2) Phân vùng 2 - Vùng công nghiệp, lâm nghiệp, du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm bao gồm 3 xã: Thanh Lâm, Thanh Sơn, Đồn Đạc; (3) Phân vùng 3 - Vùng đô thị - công nghiệp trung tâm Bao gồm: Thị trấn Ba Chẽ, xã Nam Sơn.

6.2. Định hướng phát triển theo các phân vùng (03 phân vùng):

a) Phân vùng 1 - Vùng đô thị, dịch vụ du lịch phía Tây:

- Phạm vi ranh giới: Thuộc địa giới hành chính 3 xã phía Tây: Đạp Thanh, Lương Mông, Minh Cầm. Quy mô diện tích khoảng 18.980,3ha.

- Tính chất, định hướng phát triển: Là vùng các xã ở phía Tây huyện Ba Chẽ có địa hình cao, dự kiến phát triển đô thị Lương Mông, sau năm 2030 hình thành đô thị loại V; định hướng là vùng phát triển đơn vị ở, các khu vực đô thị mới, dịch vụ hỗ trợ phát triển du lịch dịch vụ từ Hạ Long gắn với vùng du lịch sinh thái hồ Khe Lừa.

b) Phân vùng 2: Vùng công nghiệp, lâm nghiệp, du lịch sinh thái:

- Phạm vi ranh giới: Thuộc địa giới hành chính 3 xã: Thanh Lâm, Thanh Sơn, Đồn Đạc. Quy mô diện tích: 32.710,47ha.

- Tính chất, định hướng phát triển: Là vùng các xã nằm ở trung tâm huyện Ba Chẽ, có địa hình, khí hậu đặc thù miền núi, cảnh quan đẹp. Định hướng phát triển rừng phòng hộ kết hợp với du lịch sinh thái, trồng rừng gỗ lớn, rừng nguyên liệu, phát triển cây dược liệu.

c) Phân vùng 3 - Vùng đô thị - công nghiệp trung tâm:

- Phạm vi ranh giới: Thuộc địa giới hành chính thị trấn Ba Chẽ và xã Nam Sơn. Quy mô diện tích: 8.957,3ha.

- Tính chất, định hướng phát triển: Là vùng có địa hình thuận lợi hơn nên phát triển đô thị - công nghiệp - du lịch - dịch vụ tổng hợp. Dự kiến phát triển mở rộng thị trấn Ba Chẽ thành đô thị loại IV sau năm 2030, mở rộng quy mô cụm công nghiệp Nam Sơn và hình thành các khu dân cư mới.

6.3. Định hướng phát triển đô thị

a. Định hướng phát triển hệ thống đô thị theo các giai đoạn:

* Giai đoạn đến năm 2030: Định hướng phát triển đô thị bao gồm các đô thị của huyện và các không gian phát triển theo mô hình đô thị trên địa bàn huyện. Hình thành các không gian phát triển các khu vực có hạ tầng kỹ thuật tiệm cận đô thị tại các xã: Đạp Thanh, Thanh Lâm, Đồn Đạc, Nam Sơn.

* Giai đoạn 2030-2040 và tầm nhìn đến 2050: Nâng cấp thị trấn Ba Chẽ thành đô thị loại IV, đô thị Lương Mông đạt tiêu chí đô thị loại V. Các khu vực đô thị mới cơ bản đạt chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật đô thị loại V.

b. Định hướng phát triển đô thị thị trấn Ba Chẽ (là đô thị loại V theo Quyết định số 446/QĐ-UBND ngày 5/3/2012 của UBND tỉnh):

* Giai đoạn đến năm 2030: Giữ nguyên phạm vi ranh giới, diện tích theo ranh giới hành chính hiện tại; phát triển kết nối hai bên sông Ba Chẽ (bổ trí bổ sung 01 cầu kết nối từ phía Bắc sông Ba Chẽ đến Tỉnh lộ 330, triển khai xây dựng tuyến đường 342 đi qua trung tâm thị trấn Ba Chẽ hiện trạng), chỉnh trang các khu dân cư hiện trạng, bổ sung các khu dân cư mới có hạ tầng đồng bộ, hiện đại...

* Sau năm 2030: Phát triển thị trấn Ba Chẽ thành đô thị loại IV như sau:

- Phạm vi ranh giới, diện tích: Diện tích nghiên cứu khoảng 1.387ha; trong đó bao gồm: Thị trấn Ba Chẽ 690ha, phần mở rộng khoảng 697ha gồm 117,3ha thuộc xã Đồn Đạc (giáp phía Tây thị trấn) và 580ha thuộc xã Nam Sơn (giáp phía Bắc và Tây Bắc thị trấn).

- Tính chất: Là trung tâm tổng hợp hành chính, chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội của huyện; là điểm hội tụ của các cộng đồng dân tộc trên địa bàn huyện; là khu vực có kinh tế - xã hội phát triển, giữ gìn môi trường sinh thái và có quốc phòng an ninh vững mạnh.

- Quy mô dân số: Dân số đến năm 2030 khoảng 20.000-25.000 người; trong đó: Thị trấn Ba Chẽ hiện hữu khoảng 12.000 - 15.000 người; khu vực mở rộng khoảng 8.000 - 10.000 người; Dân số đến năm 2040 khoảng 30.000 - 40.000 người; trong đó: Thị trấn Ba Chẽ hiện hữu khoảng 15.000 - 25.000 người; khu vực mở rộng khoảng 10.000 - 15.000 người.

- Định hướng phát triển:

+ Hạt nhân của đô thị là khu vực trung tâm đô thị hiện hữu. Phát triển các chức năng chính đô thị như trung tâm hành chính, công cộng, văn hóa, giáo dục, y tế; phát triển khu vực thương mại dọc trục đường tỉnh 330; phát triển các khu dân cư mới trên quỹ đất đô thị hóa và chỉnh trang các khu vực hiện hữu.

+ Phát triển mở rộng đô thị về phía Bắc và phía Tây trong đó phía Tây thuộc xã Đồn Đạc là phần đô thị hiện hữu mở rộng; khu vực phía Bắc hình thành đô thị mới gắn với các chức năng du lịch và hỗn hợp khác.

+ Khu vực làng xóm hiện hữu phát triển thấp tầng và mật độ thấp theo mô hình kiến trúc làng xóm truyền thống. Tổ chức vành đai xanh nông nghiệp và các dải cây xanh theo sông Ba Chẽ và xen kẽ trong đô thị.

c. Định hướng phát triển đô thị Lương Mông sau năm 2030:

- Phạm vi ranh giới: Toàn bộ xã Lương Mông, trong đó trung tâm thị trấn gồm một phần các thôn Đồng Giảng, Đồng Cầu.

- Tính chất: Là vùng đô thị vệ tinh và trung tâm dịch vụ hỗ trợ phía Tây của huyện Ba Chẽ; là thị trấn dịch vụ thương mại, dịch vụ du lịch, tiểu thủ công nghiệp, đô thị đầu mối giao thông liên kết Ba Chẽ và khu phía Tây huyện đi Hạ Long. Dự kiến giai đoạn đến năm 2030-2040 là đô thị loại V. Quy mô đất xây dựng khoảng 470-530 ha, trong đó quy mô đất dân dụng khoảng 20-50ha;

- Quy mô dân số: Đến năm 2030 khoảng 1.700 người; đến năm 2040 khoảng 5.000 người.

- Định hướng phát triển:

+ Hướng phát triển về không gian đô thị: Phát triển không gian đô thị trên cơ sở các khu dân cư hiện hữu về phía Đông, Tây dọc theo trục Tỉnh lộ 330, kết nối không gian sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp. Hình thành khu trung tâm của đô thị với trung tâm hành chính, thương mại, dịch vụ... tại khu vực giao cắt với Tỉnh lộ 330 và các trục giao thông kết nối đường trung tâm xã. Dài hạn mở rộng phạm vi phát triển về phía thôn Đồng Dong, Đồng Cầu, thôn Đồng Chúc, thôn Xóm Mới.

+ Hướng phát triển về không gian dịch vụ: Phát triển không gian dịch vụ về phía Nam đường tỉnh 330, khu vực nút giao với đường tỉnh 330.

+ Hạn chế phát triển đô thị về phía Bắc và phía Nam do yếu tố địa hình, phát triển các trang trại tổng hợp và nông nghiệp sinh thái chất lượng cao.

6.4. Định hướng phát triển nông thôn.

a) Định hướng phát triển

- Khu vực các xã nông thôn: Rà soát điều chỉnh, lập mới quy hoạch chung xây dựng các xã nông thôn được phát triển theo hướng cải tạo chỉnh trang các không gian hiện hữu, bổ sung các nhu cầu phát triển mới, phù hợp với quy hoạch xây dựng vùng huyện được phê duyệt và các tiêu chí xây dựng nông thôn mới theo các giai đoạn phát triển. Không gian nông thôn phù hợp với định hướng chung của các tiểu vùng; đảm bảo phát triển bền vững, gìn giữ cảnh quan truyền thống, tạo dựng môi trường sống thuận lợi cho sinh hoạt và sản xuất.

- Phát triển nông thôn gắn với bảo vệ các giá trị văn hóa, cảnh quan và khắc phục các vấn đề về môi trường. Chuyển hướng sản xuất hàng hóa nông nghiệp công nghệ cao, chất lượng cao để phục vụ nhu cầu tại đô thị, phát triển dịch vụ du lịch, sản xuất hàng hóa cho các khu vực phụ cận. Phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội gắn với cải tạo chỉnh trang các điểm dân cư nông thôn hiện hữu.

- Khu làng xóm hiện hữu:

+ Kiểm soát phát triển đảm bảo được giữ được không gian định cư truyền thống về mật độ xây dựng, về tầng cao và mật độ xây dựng, mật độ cư trú; đồng thời bảo vệ được không gian nông nghiệp, lâm nghiệp xung quanh.

+ Bảo tồn các cấu trúc truyền thống gắn liền với các không gian theo thiết chế văn hóa làng...; đảm bảo mối quan hệ giữa làng xóm và các khu vực sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp.

+ Đối với các thôn, làng có tiềm năng về cảnh quan, có giá trị làng nghề truyền thống để khai thác các loại hình du lịch xanh, du lịch trải nghiệm và gắn kết được với các tuyến điểm du lịch; khuyến khích phát triển du lịch trải nghiệm nông nghiệp, homestay ở các tiểu vùng nông nghiệp truyền thống.

+ Khu dân cư nông thôn phát triển mới: Phát triển các khu dân cư nông thôn có quy mô phù hợp với nhu cầu ở của dân cư nông thôn. Khai thác hiệu quả các quỹ đất xen kẽ, phát triển các khu dân cư nông thôn đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo các quỹ đất công cộng phục vụ dân cư.

- Giai đoạn đến 2030-2040: huyện Ba Chẽ có các 6 xã Đạp Thanh, Đồn Đạc, Minh Cầm, Nam Sơn, Thanh Lâm, Thanh Sơn):

+ Khu vực nông thôn được phát triển theo hướng cải tạo chỉnh trang các không gian hiện hữu, bổ sung các nhu cầu phát triển mới gắn với chương trình xây dựng nông thôn mới.

+ Rà soát, điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng nông thôn các xã đáp ứng các tiêu chí xây dựng nông thôn mới theo các giai đoạn phát triển đảm bảo phát triển bền vững, gìn giữ cảnh quan, tạo dựng môi trường sống thuận lợi cho sinh hoạt và sản xuất.

+ Phát triển du lịch nông thôn trong chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 để thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn; đồng thời bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống, bảo vệ môi trường.

- Giai đoạn 2030-2040:

+ Rà soát, điều chỉnh địa giới hành chính xã cho phù hợp với quy mô phát triển đối với một số xã (do có diện tích lớn) và có giải pháp điều chỉnh hợp lý để phát triển kinh tế - xã hội và thuận tiện trong công tác quản lý.

+ Phát triển nông thôn gắn với bảo vệ các giá trị văn hóa và khắc phục các vấn đề về cảnh quan, môi trường. Chuyển hướng sản xuất hàng hóa nông nghiệp, lâm nghiệp công nghệ cao, chất lượng cao để phục vụ nhu cầu tại đô thị, phát triển dịch vụ du lịch, sản xuất hàng hóa cho các khu vực phụ cận.

+ Kiểm soát phát triển trong ngưỡng cho phép đảm bảo giữ được không gian định cư truyền thống về mật độ xây dựng, về tầng cao và mật độ xây dựng, mật độ cư trú đồng thời bảo vệ được không gian nông nghiệp xung quanh

b) Phân vùng phát triển.

Vùng nông thôn được phân thành 03 vùng như sau:

- Vùng 1 (bao gồm khu vực xã Lương Mông, Minh Cầm, xã Đạp Thanh) có diện tích khoảng 189,8km² (18.980ha), dân số dự kiến năm 2030 khoảng

5.000 người; Đến năm 2040, dân số khoảng 11.300 người. Quy mô đất xây dựng khoảng 1.100-1.300ha, trong đó quy mô điểm dân cư nông thôn khoảng 50-110ha.

- Vùng 2 (bao gồm khu vực các xã: Thanh Lâm, Thanh Sơn và Đồn Đạc) có diện tích khoảng 32.710 ha, dân số dự kiến năm 2030 khoảng 13.000 người; Dân số dự kiến năm 2040 khoảng 21.700 người. Quy mô đất xây dựng khoảng 1.500-1.800ha, trong đó quy mô điểm dân cư nông thôn khoảng 180-250ha.

- Vùng 3 (bao gồm khu vực xã Nam Sơn) có diện tích khoảng 8.267 ha, dân số dự kiến năm 2030 khoảng 5.000 người; Dân số dự kiến năm 2040 khoảng 7.000 người. Quy mô đất xây dựng khoảng 500-800 ha, trong đó quy mô điểm dân cư nông thôn khoảng 50-70ha.

6.5. Quy hoạch mạng lưới các điểm dân cư, các trung tâm hành chính xã, hệ thống trung tâm công cộng và kết cấu hạ tầng

- Trung tâm các xã: Trung tâm các xã được quy hoạch mỗi trung tâm có quy mô diện tích 10-40 ha, quy mô dân số từ 2.000 - 3.000 người. Là trung tâm kinh tế, văn hoá của xã. Mỗi cụm trung tâm xã có các công trình văn hoá thể thao, các công trình hạ tầng khác như bưu điện, chợ, sân thể thao xã... được xây dựng theo quy chuẩn và được bố trí ở khu vực thuận tiện với các thôn xóm, bán kính phục vụ trong khoảng 2km.

- Trung tâm thôn xóm: Nhà văn hóa thôn, trường mầm non... được bố trí tập trung kết hợp với các không gian công cộng, nghỉ ngơi để tạo không gian trung tâm cho thôn xóm.

- Các tuyến dân cư tập trung: Phân bố dọc theo các tuyến đường giao thông liên xã (hiện tại các tuyến này đã đông dân cư), cần quy hoạch đầu tư đồng bộ các công trình hạ tầng kỹ thuật (đường giao thông nông thôn, điện, nước, hệ thống trường lớp, hệ thống y tế, hệ thống các thiết chế văn hóa- xã hội...)

6.6. Các khu vực bảo vệ, kiểm soát đặc biệt, hạn chế phát triển.

- Khu vực rừng tự nhiên, rừng phòng hộ: Hạn chế tối đa việc chuyển đổi rừng phòng hộ. Không tác động vào khu vực rừng tự nhiên.

- Hành lang các tuyến sông: Đảm bảo hành lang cách ly bảo vệ sông và dự phòng khi có lũ.

- Khu vực an ninh quốc phòng: Không chuyển đổi mục đích sử dụng các quỹ đất an ninh quốc phòng. Việc xây dựng tại các khu vực này và vùng phụ cận cần thỏa thuận với các cơ quan quản lý có liên quan theo quy định.

- Các khu di tích văn hóa lịch sử quan trọng: Lập danh mục cụ thể, xác định các giá trị và quy định ranh giới bảo tồn làm cơ sở định hướng cho hoạt động xây dựng, bảo vệ di tích theo luật di sản.

- Khu vực cảnh quan có giá trị, khu vực sinh thái rừng: Bảo vệ, phát triển gắn với các dự án quy hoạch du lịch, khai thác các không gian cảnh quan sinh thái tự nhiên cho hoạt động cộng đồng.

- Kiểm soát và cấm mọi hoạt động xây dựng xâm phạm hành lang bảo vệ vùng thoát lũ; hành lang bảo vệ di tích văn hóa lịch sử; hành lang bảo vệ an toàn

các tuyến hạ tầng kỹ thuật; hành lang dự trữ phát triển các tuyến hạ tầng; vùng cảnh quan sinh thái.

- Xây dựng công trình, kết cấu hạ tầng trong khu vực sản xuất nông nghiệp cần phải được thỏa thuận quy hoạch kiến trúc để đảm bảo không gian cảnh quan chung của vùng nông thôn.

6.7. Các chỉ tiêu phát triển hạ tầng xã hội và kỹ thuật nông thôn:

- Nông thôn mới nâng cao: Đến cuối năm 2022, 5/7 xã đạt 19/19 tiêu chí; 57/57 chỉ tiêu nông thôn mới và 2/7 xã đạt 19/19 tiêu chí; 75/75 chỉ tiêu nông thôn mới nâng cao theo bộ tiêu chí giai đoạn 2021-2025.

- Nông thôn mới kiểu mẫu: Phấn đấu đến cuối năm 2025, một số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu theo Quyết định số 847/QĐ-UBND ngày 17/03/2017 của UBND tỉnh.

- Các chỉ tiêu phát triển hạ tầng xã hội, kỹ thuật tuân thủ theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng QCVN01:2021/BXD của Bộ Xây; Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới, giai đoạn 2021-2025 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 318/QĐ - TTg ngày 8 /03/2022; Quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định 319/QĐ-TTg 2022 ngày 08/3/2022; Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 17/5/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển bền vững kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm vững chắc quốc phòng - an ninh ở các xã, thôn, bản vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

7. Định hướng phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội:

7.1. Định hướng phát triển công nghiệp

Định hướng đến năm 2050, phát triển 04 cụm công nghiệp và 02 khu vực định hướng phát triển công nghiệp, trong đó 01 CCN Nam Sơn hiện trạng và 03 CCN mới và 02 khu vực định hướng phát triển công nghiệp, cụ thể:

- Giai đoạn 2022-2030:

+ Mở rộng cụm công nghiệp Nam Sơn hiện trạng 47,55ha lên 75 ha;

+ Mở rộng thêm cụm công nghiệp Đạp Thanh tại xã Đạp Thanh (diện tích đã quy hoạch 50ha, mở rộng thêm 25 ha), tổng quy mô khoảng 75ha;

+ Bổ sung 02 cụm công nghiệp mới: cụm công nghiệp Nam Sơn 2 tại xã Nam Sơn với diện tích 75ha và cụm công nghiệp Thanh Lâm 1 tại thôn Khe Nháng, xã Thanh Lâm với diện tích 75ha;

+ Nguồn nguyên liệu cho CCN này là nông - lâm sản thu hoạch được ở các vùng xung quanh.

- Giai đoạn 2030-205: bổ sung thêm 02 khu vực phát triển công nghiệp:

+ Khu vực phát triển công nghiệp Thanh lâm 2 tại thôn Khe Nháng, xã Thanh Lâm, diện tích 75ha;

+ Khu vực phát triển công nghiệp Đạp Thanh 2 tại thôn Xóm Đình, xã Đạp Thanh, diện tích 75ha;

Hai khu vực phát triển công nghiệp định hướng phát triển công nghiệp chế biến gỗ, chế biến nông, lâm sản cho địa phương và các vùng lân cận.

- Đối với các xã còn lại phát triển thêm khu sản xuất kinh doanh, tiểu thủ công nghiệp để làm nơi phục vụ cho việc di dời cơ sở tiểu thủ công nghiệp không phù hợp quy hoạch và gây ô nhiễm môi trường.

- Định hướng phát triển thêm một số ngành công nghiệp mới, như công nghiệp năng lượng điện gió kết hợp du lịch.

7.2. Định hướng phát triển dịch vụ thương mại

- Bố trí cụm các công trình dịch vụ thương mại cấp đô thị tại khu vực cửa ngõ, trên các trục đường hướng tâm và vành đai quan trọng, giao lộ của các tuyến đường, trên các quảng trường giao thông lớn, quảng trường trước các công viên cây xanh. Các trung tâm thương mại cấp đô thị tối thiểu 1,5ha/công trình; chợ dân sinh tối thiểu 0,2 ha/công trình.

- Xây dựng mới 02 trung tâm thương mại tại khu vực đô thị Ba Chẽ; xây dựng mới 01 trung tâm thương mại tại khu vực Lương Mông phục vụ dân cư đô thị khu vực phía Tây.

- Hệ thống chợ: Chợ trung tâm huyện được mở hoạt động giao thương hàng ngày, 04 chợ phiên các xã cần tăng mật độ giao thương buôn bán phục vụ nhân dân. Nâng cấp và mở rộng tại chỗ các chợ trung tâm xã để đáp ứng nhu cầu mua sắm tiêu dùng của người dân địa phương và đảm bảo tiêu chuẩn nông thôn mới; xây bổ sung chợ tại xã Nam Sơn, Thanh Sơn phù hợp với sự phát triển của địa phương.

- Hình thành phát triển các trung tâm thương mại, siêu thị, cửa hàng tiện lợi, ngân hàng, nhà hàng, khách sạn, cửa hàng cung ứng xăng dầu, khí hoá lỏng tại khu trung tâm phụ vụ dân cư.

7.3. Định hướng phát triển dịch vụ du lịch.

- Khai thác cảnh quan, điều kiện tự nhiên, địa hình văn hoá của địa phương phát triển các loại hình du lịch như: du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng gắn với cảnh quan thiên nhiên; du lịch cộng đồng gắn với bản sắc văn hoá đồng bào các dân tộc.

- Nâng cao chất lượng dịch vụ, du lịch ở các khu du lịch hiện hữu. Khai thác tiềm năng, thế mạnh của địa phương để thu hút các nhà đầu tư có năng lực, kinh nghiệm đầu tư vào lĩnh vực du lịch. Đẩy mạnh xã hội hóa để nâng cấp, phát triển hệ thống nhà hàng, khách sạn; lựa chọn xây dựng các sản phẩm đặc trưng phục vụ du lịch của địa phương nhằm thu hút và tăng thời gian lưu trú, mua sắm của khách du lịch.

- Phát triển du lịch cần gắn liền với công tác bảo tồn các địa điểm du lịch. Ứng dụng công nghệ thông tin trong việc quản lý, phát triển du lịch địa bàn, số hóa các di tích văn hóa, du lịch. Phát triển du lịch văn hóa, cộng đồng: Chợ phiên vùng cao Lương Mông; Các lễ hội của cộng đồng dân tộc thiểu số (Lễ hội Bàn Vương, Lễ hội Sán Chay, Lễ hội Lòng tòng...).

- Phát triển mở rộng mạng lưới, tua, tuyến đến danh lam thắng cảnh khác của huyện: Lò sứ cổ, Đình Làng Dạ, Khu căn cứ kháng chiến Hải Ninh; Thác

Lang Cang, Khe Lạnh, Sông Cỏ Ngựa, thảo nguyên Lương Mông... Kết nối với các địa phương lân cận trong và ngoài tỉnh

- Phát triển các sản phẩm du lịch mới: Khai thác du lịch sông Ba Chẽ trở thành sản phẩm du lịch sông của tỉnh Quảng Ninh; khu nghỉ dưỡng trải nghiệm tại khu vực Đạp Thanh và Lương Mông.

- Phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí dưới tán rừng trong hệ thống rừng phòng hộ, rừng tự nhiên do huyện quản lý; nhằm khai thác, phát huy một cách hiệu quả sự đa dạng về hệ thực vật, động vật, cảnh quan hùng vĩ, các thác nước, khe suối đẹp.

7.4. Định hướng phát triển nông, lâm nghiệp

- Phát triển vùng nông nghiệp gắn với chương trình đẩy nhanh cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp, kiên cố hóa kênh mương, xây dựng đường giao thông nội đồng phục vụ sản xuất.

- Các sản phẩm đạt tiêu chuẩn OCOP cấp quốc gia, khẳng định được thương hiệu, lâm nghiệp là ngành chủ đạo, trở thành trung tâm kinh tế lâm nghiệp của Tỉnh: Trà Hoa Vàng, Nấm Linh Chi, Ba kích tím, cây dược liệu khác

- Hình thành rõ nét vùng sản xuất tập trung (trồng rừng gỗ lớn Lim, Lát, Giổi, trồng dược liệu Trà Hoa vàng, Ba Kích, Cát Sâm; chăn nuôi gia súc...). Vùng dược liệu tại xã Minh Cầm; Đạp Thanh, Thanh Lâm, Đồn Đạc, vùng trồng và chế biến sâu các loại cây dược liệu xã Thanh Sơn...; vùng khoanh nuôi bảo vệ, xúc tiến tái sinh làm giàu rừng tự nhiên.

- Trồng rừng gỗ lớn với diện tích 4.000-5.000 ha (trồng mới và trồng sau khai thác), trong đó ưu tiên trồng rừng gỗ lớn trên diện tích đất lâm nghiệp thuộc lưu vực các công trình thủy lợi, nước sinh hoạt và hồ chứa nước trên địa bàn huyện để cải thiện nguồn sinh thủy, điều tiết nguồn nước nhằm cung cấp đủ nước cho sinh hoạt và sản xuất của nhân dân. Quy mô dự kiến: Xã Lương Mông khoảng 530ha, xã Minh Cầm khoảng 125ha, xã Thanh Lâm 935ha, xã Thanh Sơn khoảng 1.560ha, xã Nam Sơn khoảng 480ha, xã Đồn Đạc khoảng 1.050ha; vùng phát triển dược liệu và trồng cây gỗ lớn tại thôn Bắc Văn xã Thanh Sơn diện tích 200 ha.

- Dự kiến quy hoạch khu chăn nuôi tập trung tại các xã: Đồn Đạc khoảng 300 ha, Nam Sơn khoảng 100 ha, Thanh Sơn khoảng 400 ha, Lương Mông khoảng 100 ha; vùng chăn nuôi các xã Minh Cầm, Đạp Thanh, Thanh Sơn mỗi xã từ 50 ha trở lên.

- Xây dựng trung tâm giống vật nuôi ở 2 xã: Thanh Sơn và Đồn Đạc.

- Phát triển mạnh đàn gia cầm cả về quy mô, chất lượng sản phẩm, cơ cấu chủng loại giống và sản phẩm và phương thức chăn nuôi. Xây dựng, phát triển các trang trại chăn nuôi gà siêu thịt, siêu trứng và chăn nuôi gà thả vườn đồi theo quy mô an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh và đạt tiêu chuẩn VietGaHP tại xã Thanh Lâm, Thanh Sơn...

- Đầu tư xây dựng một số khu tổ hợp trang trại chăn nuôi công nghệ cao kết hợp trồng cây dược liệu, cây gỗ lớn theo mô hình kinh tế tuần hoàn, bền vững tại xã Thanh Lâm, Thanh Sơn và Đồn Đạc, quy mô mỗi khu khoảng 50-200ha.

- Dự kiến phát triển khai thác hải sản bền vững, thực hiện chương trình bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản tự nhiên. Vùng chăn nuôi tập trung thủy sản được xác định tại xã Nam Sơn với diện tích khoảng 80-100ha.

7.5. Định hướng phát triển trụ sở làm việc.

- Bố trí khu vực đất dự trữ cho các cơ quan hành chính còn thiếu và chưa đủ diện tích làm việc của huyện Ba Chẽ và thị trấn Ba Chẽ.

- Bố trí khu vực dự trữ hành chính tại các khu vực phát triển đô thị mới để xây dựng khu hành chính đô thị và quỹ đất xây dựng trụ sở làm việc cấp đô thị.

- Tôn tạo, nâng cấp hệ thống trung tâm hành chính, chính trị cấp tỉnh tại các cơ sở đã có. Hình thành các trung tâm hành chính cấp khu vực mới tại các khu vực phát triển đô thị mới.

- Chinh trang cải tạo tại chỗ hệ thống trụ sở các cơ quan hành chính cấp xã đáp ứng điều kiện, môi trường làm việc (thực hiện theo các đồ án quy hoạch nông thôn mới).

7.6. Định hướng phát triển nhà ở.

- Phát triển nhà ở đảm bảo diện tích nhà ở bình quân theo quy định diện tích nhà ở bình quân toàn tỉnh đến 2030 đạt 32,6m²/người, diện tích sàn nhà ở tối thiểu 12m² sàn/người; ngoài việc phát triển nhà ở các khu đô thị, cần chú ý phát triển nhà ở nông thôn gắn với truyền thống bản sắc dân tộc từng vùng miền (Dao, Tày, Sán chỉ).

- Bố trí quỹ đất phát triển nhà ở xã hội:

+ Phát triển các khu nhà ở xã hội, nhà ở công nhân, nhà cho thuê, nhà thu nhập thấp...gắn với các khu vực phát triển công nghiệp, khu giáo dục đào tạo tập trung, các dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại, khu đô thị mới...kết hợp hài hòa với tổng thể đô thị; các loại hình trên được bố trí trong đất đơn vị ở mới. Dự kiến đến năm 2030 diện tích đất cần bố trí khoảng 21-23ha, năm 2040 diện tích đất cần bố trí khoảng 33-35ha.

+ Quỹ đất và vị trí phát triển nhà ở xã hội sẽ được xác định cụ thể trong quá trình lập các quy hoạch chi tiết đảm bảo quy mô, diện tích theo quy định.

8. Định hướng phát triển hạ tầng xã hội.

8.1. Định hướng phát triển cơ sở giáo dục - đào tạo

- Cải tạo nâng cấp trang thiết bị đào tạo Trung tâm GDTX đáp ứng nhu cầu cho mọi lứa tuổi vừa làm vừa học, học tập liên tục; đồng thời bồi dưỡng, cập nhật, nâng cao kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp nhằm trang bị, tăng thêm năng lực thực hiện nghề, bổ sung kiến thức mới, hoàn chỉnh các tiêu chuẩn nghề nghiệp.

- Hệ thống giáo dục phổ thông:

+ Dự kiến khu vực thị trấn Lương Mông xây dựng trường Phổ thông Dân tộc nội trú cấp vùng và cấp tỉnh, quy mô khoảng 3ha để thực hiện nhiệm vụ nâng cao chất lượng nguồn nhân lực người dân tộc thiểu số và người công tác tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới và hải đảo có đủ năng lực, phẩm chất, uy tín đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới.

+ Trường THPT: Bố trí 03 trường THPT (1 trường công lập hiện hữu tại thị trấn, 01 trường công lập xây dựng mới tại khu vực xã Đạp Thanh, 01 trường dân lập chất lượng cao xây dựng mới tại thị trấn), với diện tích 4-5 ha đáp ứng cơ sở vật chất học tập cho khoảng 2.200 - 2.500 học sinh. Các trường THPT phải đảm bảo cự ly tiếp cận, gắn với các sân bãi thể thao, xây dựng đầy đủ cơ sở nội trú, thực nghiệm. Đối với trường bố trí tại trung tâm của khu ở, quy mô phải đảm bảo đủ phục vụ cho học sinh trong khu ở và khu vực lân cận.

+ Đối với công trình giáo dục cấp đơn vị ở, cấp xã: Được xác định cụ thể theo các quy hoạch chung xây dựng xã, quy hoạch chi tiết điểm dân cư nông thôn và đáp ứng với các quy chuẩn, tiêu chuẩn quy hoạch xây dựng.

8.2. Định hướng phát triển y tế.

- Cải tạo, chỉnh trang Trung tâm Y tế huyện Ba Chẽ và các Trạm Y tế xã hiện hữu. Mở rộng, nâng cấp tại chỗ các Trạm Y tế xã để đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh nhân dân địa phương và tiêu chuẩn nông thôn mới.

- Bố trí xây dựng mới cơ sở y tế tại khu vực có kết nối giao thông thuận lợi và có tính đến nhu cầu phát triển trong tương lai.

- Phát triển bệnh viện và các công trình y tế, chăm sóc sức khỏe quy mô khoảng 100 giường bệnh với diện tích đất khoảng 02-03 ha/bệnh viện tại khu vực thị trấn và xã Lương Mông.

- Khuyến khích phát triển các bệnh viện tư nhân, phòng khám tư nhân để phục vụ nhu cầu khám chữa bệnh của nhân dân trong huyện tại các khu vực đô thị mới như: Lương Mông, Đồn Đạc, Thanh Lâm,...

- Xây dựng mới 01 phòng khám đa khoa khu vực tại khu vực xã Đạp Thanh quy mô khoảng 50-100 giường để phục vụ dân cư đô thị, dân cư vùng phụ cận khu vực phía Tây. Đến năm 2050, nâng cấp phòng khám đa khoa khu vực lên Trung tâm y tế - cơ ở 2 tại xã Đạp Thanh.

8.3. Định hướng phát triển văn hóa, thể dục thể thao

- Cải tạo, chỉnh trang sân thể thao đã có tại trung tâm thị trấn. Bổ sung sân vận động cấp đô thị tại khu vực đô thị Ba Chẽ, quy mô khoảng 2,0 ha theo định hướng Quy hoạch chung thị trấn Ba Chẽ; sân thể thao tại xã Lương Mông quy mô khoảng 1-3 ha cho nhu cầu phát triển đô thị loại V trong tương lai.

- Rà soát hệ thống các khu thể dục, thể thao tập trung của các xã theo tiêu chuẩn nông thôn mới; nâng cấp các công trình phục vụ thể thao, vui chơi, giải trí, công viên cây xanh, phục vụ nhu cầu sinh hoạt, giải trí của nhân dân, xây dựng mới các khu thể dục, thể thao tại trung tâm các xã chưa có khu thể dục, thể thao đạt tiêu chuẩn, đảm bảo mỗi xã có một trung tâm văn hóa thể thao. Với các sân thể thao hiện tại nếu chưa đáp ứng nhu cầu sử dụng lâu dài xem xét, nghiên cứu chuyển đổi sang mục đích khác.

- Rà soát, thực hiện Đề án nâng cao hiệu quả hoạt động hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 921/QĐ-UBND ngày 14/04/2022.

- Hoàn thiện hệ thống bưu điện - văn hóa phường/xã; xây dựng đời sống văn hóa, văn minh đô thị bảo tồn và phát huy các giá trị truyền thống.

9. Định hướng quy hoạch hạ tầng kỹ thuật

9.1. Định hướng giao thông:

a. Đường bộ.

- Cao tốc: Tuyến Tiên Yên - Lạng Sơn: nằm ngoài ranh giới phía Đông Bắc huyện, kết nối với huyện thông qua nút giao khác mức với tuyến TL 342.

- Quốc lộ: Quốc lộ 18, 4B: nằm ngoài ranh giới phía Đông, Đông Nam huyện, là 2 tuyến Quốc lộ quan trọng kết nối các đô thị trong tỉnh Quảng Ninh và với tỉnh Lạng Sơn.

- Tỉnh lộ:

+ Xây dựng hệ thống đường tỉnh kết nối từ các tuyến Quốc lộ đến các khu vực trọng điểm của huyện; kết nối đến các tuyến đường khu, cụm công nghiệp; các đô thị mới, liên kết giữa các phương thức vận tải, giữa đô thị với nông thôn.

+ Đường tỉnh 329: điểm đầu giao với Quốc lộ 18A, phường Mông Dương, thành phố Cẩm Phả đến khu 6 thị trấn Ba Chẽ, huyện Ba Chẽ, Chiều dài 30km, đoạn qua huyện 14,6km, cải tạo, nâng cấp đạt quy mô cấp III miền núi.

+ Đường tỉnh 330: điểm đầu giao với Quốc lộ 18A, xã Hải Lạng, huyện Tiên Yên đến đèo Kiếm, xã Lương Mông, huyện Ba Chẽ giáp huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang, chiều dài 63,1km, đoạn qua huyện dài 59,7, nâng cấp đạt quy mô cấp III miền núi.

+ Đường tỉnh 330B: điểm đầu giao với Quốc lộ 18A, xã Đồng Rui, huyện Tiên Yên đến xã Nam Sơn, huyện Ba Chẽ, chiều dài 10km, nâng cấp đạt quy mô cấp III miền núi.

+ Đường tỉnh 342: điểm đầu giao với Đường tỉnh 326 tại xã Sơn Dương, Thành phố Hạ Long đến điểm cuối khu Đèo Lúu xã Thanh Lâm, huyện Ba Chẽ giáp xã Bắc Lãng, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn, đoạn qua địa phận Ba Chẽ dài 22,6km, nâng cấp đạt quy mô cấp III miền núi.

+ Đường tỉnh 343: Điểm đầu giao với Đường tỉnh 342 khu vực Hạ Long, qua trung tâm huyện Ba Chẽ đến giao Quốc lộ 4B khu vực Tiên Yên, đoạn qua địa phận Ba Chẽ dài 20km, tuyến đạt quy mô cấp III miền núi.

+ Nghiên cứu các tuyến mới nhằm tăng khả năng kết nối vùng thúc đẩy giao thương, phát triển du lịch (đường Khe Hồ, xã Nam Sơn - Ba Chẽ đi xã Yên Than - Tiên Yên; đường Lang Cang – Làng Cống xã Đồn Đạc, ...).

- Giao thông nông thôn: Bao gồm hệ thống đường huyện và đường xã, liên xã (được cụ thể hóa tại các đồ án quy hoạch chung xây dựng xã). Hoàn thiện mạng lưới kết cấu hạ tầng giao thông nông thôn theo tiêu chí giao thông trong Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới. Mở thêm các tuyến GTNT ở các khu vực có mật độ giao thông cao, cải tạo nâng cấp các tuyến hiện có đạt tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành. Hệ thống đường huyện tối thiểu đạt cấp IV, quy mô 2 làn xe. Đường xã, liên xã tối thiểu đạt cấp VI.

- Giao thông đô thị: Đầu tư phát triển, từng bước đồng bộ, hoàn thiện và hiện đại hóa hệ thống giao thông đô thị theo quy hoạch đô thị của tỉnh và quy hoạch các đô thị trong huyện đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật theo quy mô, tính chất đô thị.

b. Đường thủy

- Luồng đường thủy: Trong khu vực có luồng sông Ba Chẽ, chiều dài luồng 23km, cấp kỹ thuật cấp 4.

- Cảng: Cụm cảng Khu công Nghiệp Nam Sơn, phục vụ vận chuyển hàng hóa của khu công nghiệp và khu vực huyện.

- Bố trí cảng thủy nội địa tại thôn Cái Gian phục vụ vận chuyển hàng hóa và nguyên vật liệu...

- Bố trí các bến thuyền trên sông Ba Chẽ tại thị trấn Ba Chẽ phục vụ du lịch đường thủy.

9.2. Định hướng quy hoạch san nền:

- Phân vùng 1 và 2: Khu vực có nền địa hình đồi núi cao, dốc; cao độ xây dựng công trình xác định theo chế độ thủy văn các sông, suối giáp ranh; cao độ khống chế tại mỗi vị trí sẽ khác nhau dao động từ 50m÷150m. Khuyến khích các giải pháp xây dựng bám địa hình, có khoảng cách ly đối với khe suối.

- Phân vùng 3: Khu vực phía Bắc thuộc trung tâm thị trấn Ba Chẽ cao độ xây dựng từ 6,7m÷50m đảm bảo an toàn khỏi lũ sông Ba Chẽ đoạn đi qua. Khu vực xã Nam Sơn chịu ảnh hưởng lũ sông và triều cường kết hợp cao độ xây dựng công trình mới $H_{xd} \geq + 3,5m$.

(Cao độ nền xây dựng sẽ được tính toán cụ thể trong quá trình lập các quy hoạch chung xây dựng xã và quy hoạch chi tiết)

9.3. Định hướng quy hoạch nước:

Chia thành 02 vùng thoát nước chính: (1) Vùng thoát nước phía Bắc sông Ba Chẽ, diện tích lưu vực khoảng 28.000ha; (2) Vùng thoát nước phía Nam sông Ba Chẽ, diện tích lưu vực khoảng 32.600 ha.

- Đối với khu vực đô thị hiện trạng tại Phân vùng 3: Xây dựng hệ thống nử riêng, tách nước bẩn, xử lý đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh môi trường.

- Khu vực phát triển xây dựng đô thị: thiết kế hệ thống thoát nước mặt riêng hoàn chỉnh với chế độ tự chảy.

- Khu vực nông thôn tại phân vùng 1, 2 sử dụng hệ thống thoát nước chung.

9.4. Định hướng quy hoạch cấp nước:

a) Nhu cầu cấp nước toàn huyện đến năm 2030 khoảng 10.000 m³/ngđ, đến năm 2040 khoảng 15.000 m³/ngđ. Nguồn cấp nước sử dụng từ nguồn nước sông Ba Chẽ và các hồ chứa trên địa bàn (hồ Khe Lừa, hồ Khe Tâm, hồ Khe Mười, hồ Khe Lọng) cấp chính cho các khu đô thị, điểm dân cư đông đúc và cụm công nghiệp trên địa bàn; ngoài ra lấy từ các nguồn nước tự chảy từ đập dâng nước và các khe suối là các nguồn nước cấp cho khu vực nông thôn còn lại.

b) Phân vùng cấp nước:

- Vùng cấp nước số 1: Nhu cầu cấp nước đến năm 2030: 6.000m³/ngđ; đến năm 2040: 10.000 m³/ngđ cấp cho:

+ Thị trấn Ba Chẽ, thôn Khe Tâm, Nam Hà trong, Nam Hà ngoài xã Nam Sơn, thôn Tân Tiến, Làng Mô, Làng Han xã Đồn Đạc dụng nguồn nước sông Ba Chẽ và hồ Khe Tâm;

+ Thôn Nam Kim xã Đồn Đạc và 05 thôn xã Nam Sơn (Khe Sâu, Cái Gian, Sơn Hải, Làng Mới, Lò Vôi) sử dụng nước từ hồ Khe Mười;

+ Hồ Khe Lọng xử lý nước và cung cấp cho các thôn tại xã Thanh Sơn.

- Vùng cấp nước số 2: Nhu cầu cấp nước đến năm 2030: 4.000m³/ngđ; đến năm 2040: 6.000m³/ngđ, cấp cho: Xã Lương Mông, Minh Cầm, Đạp Thanh và Thanh Lâm sử dụng nguồn nước hồ Khe Lừa;

- Các công trình đầu mối chính:

+ Nâng công suất nhà máy nước Ba Chẽ công suất hiện trạng 1.250 m³/ngđ, đến năm 2030: 3.000 m³/ngđ; đến năm 2040: 6.000 m³/ngđ. Nguồn nước sông Ba Chẽ.

+ Xây dựng mới nhà máy nước hồ Khe Tâm công suất đến năm 2030: 4.000m³/ngđ; đến năm 2040: 8.000m³/ngđ.

+ Nâng công suất nhà máy nước Ba Chẽ hiện trạng có công suất 1.250m³/ngđ đến năm 2030: 3.000 m³/ngđ; đến năm 2040: 6.000 m³/ngđ. Nguồn nước sông Ba Chẽ.

+ Xây dựng mới nhà máy nước hồ Khe Tâm công suất 2030: 2.000 m³/ngđ, 2040: 4.000 m³/ngđ. Nguồn nước hồ Khe Tâm.

- Xây dựng nhà máy nước hồ Khe Lọng, hồ Khe Mười công suất 1.000m³/ngđ.

- Xây dựng mới nhà máy nước Lương Mông công suất đến năm 2030: 4.000m³/ngđ; đến năm 2040: 6.000m³/ngđ. Nguồn nước hồ Khe Lừa.

c) Định hướng xây dựng nhà máy nước liên vùng Ba Chẽ tại huyện Ba Chẽ cấp nước bổ sung cho thành phố Cẩm Phả và Khu kinh tế Vân Đồn. Dự kiến công suất nhà máy nước liên vùng Ba Chẽ 2 đến năm 2040 là 50.000m³/ngđ từ. Nguồn nước sông Ba Chẽ.

- Các khu vực nông thôn xa các nhà máy nước tập trung sử dụng nguồn nước tại chỗ từ các đập dâng, khe suối.

9.5. Định hướng cấp điện, năng lượng

a) Cấp điện chiếu sáng.

- Nhu cầu cấp điện đến năm 2030 khoảng 80MW; đến năm 2040 khoảng 120 MW tương đương với 130MW. Nguồn điện chính cấp điện cho huyện Ba Chẽ là nguồn điện Quốc gia thông qua trạm biến áp 110KV Ba Chẽ dự kiến xây dựng mới.

- Lưới điện cao áp: Xây dựng mới các tuyến 110KV mạch kép rẽ nhánh từ đường dây 110KV từ Mông Dương đi theo đường tỉnh 329 để cấp điện cho trạm 110KV Ba Chẽ đường dây dự kiến dài khoảng 30km.

- Lưới điện trung thế: Tiếp tục sử dụng các tuyến trung áp 35KV cho các xã vùng sâu và vùng xa, trung tâm thị trấn Ba Chẽ và khu vực khu công nghiệp

Nam Sơn sử dụng cấp điện áp 22KV. Khu vực trung tâm thị trấn Ba Chẽ đề xuất hạ ngầm các tuyến điện trung thế và hạ thế.

- Lưới điện hạ thế 0,4KV xây dựng mới ở trung tâm thị trấn Ba Chẽ; cải tạo, hoàn chỉnh hệ thống chiếu sáng đô thị phù hợp với tính chất, chức năng của công trình và tiêu chuẩn quy định.

- Quy hoạch năng lượng: Năng lượng gió, năng lượng mặt trời, năng lượng sinh khối, năng lượng từ nguồn chất thải rắn, năng lượng khí sinh học. khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư xây dựng các nhà máy điện tại các khu xử lý rác thải.

9.6. Định hướng quy hoạch thu gom và xử lý nước thải:

- Tổng lượng thải phát sinh trên địa bàn toàn huyện làm tròn khoảng: 8.000m³/ngđ (đến năm 2030) và 14.500 m³/ngđ (đến năm 2040);

- Xây dựng các trạm xử lý nước thải ứng với từng phân vùng, đảm bảo thu gom xử lý nước thải triệt để cho khu vực nghiên cứu. Vị trí các trạm xử lý nước thải được phân chia theo ranh giới hành chính, các trục giao thông chính, địa hình sông suối tự nhiên và sẽ được cụ thể hóa trong giai đoạn quy hoạch sau, cụ thể:

+ Vùng 01: Bao gồm các xã Lương Mông, Minh Cầm, Đạp Thanh. Nhu cầu thu gom xử lý nước thải tập trung khoảng 2.500m³/ngđ;

+ Vùng 02: Bao gồm các xã Đôn Đạc, Thanh Sơn, Thanh Lâm. Nhu cầu thu gom xử lý nước thải tập trung khoảng 5.500m³/ngđ;

+ Vùng 03: Bao gồm thị trấn Ba Chẽ và xã Nam Sơn. Nhu cầu thu gom xử lý nước thải tập trung khoảng 5.00 m³/ngđ;

- Quy hoạch hệ thống thoát nước thải riêng hoàn toàn ở các đô thị và các CCN; hệ thống thoát nước nửa riêng ở các khu dân cư xã, khu dân cư hiện hữu.

- Trạm xử lý nước thải sinh hoạt: Tại các đô thị và các cụm công nghiệp được quy hoạch hệ thống trạm xử lý nước thải tập trung đảm bảo quy mô công suất theo nhu cầu phát triển đô thị và sản xuất công nghiệp.

- Đối với các điểm dân cư nông thôn, làng xóm và các khu dân cư phân tán bố trí các trạm xử lý cục bộ; khuyến khích quy hoạch trạm xử lý nước thải tập trung cho các xã nông thôn khi đảm bảo điều kiện thuận lợi.

- Vị trí, quy mô công suất và hệ thống mạng lưới thoát nước thải sẽ xác định cụ thể theo quy hoạch xây dựng chung xã được phê duyệt.

9.7. Định hướng quy hoạch thu gom và xử lý chất thải rắn

Tổng lượng chất thải rắn trên địa bàn toàn huyện khoảng: 107 tấn/ngđ (đến năm 2030) và 184 tấn/ngđ (đến năm 2040). Tỷ lệ thu gom rác thải sinh hoạt đô thị đạt 95%, rác thải công nghiệp đạt 100%.

- Tiến hành phân loại chất thải rắn tại nguồn. Đối với CTR sản xuất và y tế thông thường thu gom cùng CTR sinh hoạt, CTR nguy hại phải được xử lý bằng lò đốt đạt tiêu chuẩn môi trường. Mỗi điểm dân cư nông thôn, trung tâm xã xây dựng 01 trạm trung chuyển chất thải rắn.

- Giai đoạn đầu tiếp tục sử dụng 06 khu xử lý CTR tập trung theo định hướng của Huyện (05 khu đang vận hành tại thôn Khe Hồ xã Nam Sơn, các xã Lương

Mông, Đạp Thanh, Thanh Lâm, Đồn Đạc; và 01 khu đang đầu tư xây dựng dự kiến đi vào vận hành giai đoạn năm 2022 tại xã Thanh Sơn)

- Dài hạn để đáp ứng nhu cầu xử lý CTR, lựa chọn công nghệ hiện đại, nâng cấp thành khu xử lý cấp vùng huyện cho 03 khu xử lý rác tập trung bao gồm:

+ KXL xã Lương Mông, phục vụ cho các xã thuộc tiểu vùng 01, quy mô dự kiến khoảng 3-5 ha;

+ KXL xã Thanh Sơn, phục vụ cho các xã thuộc tiểu vùng 02, quy mô dự kiến khoảng 3-5 ha;

+ KXL thôn Khe Hố, xã Nam Sơn định hướng di chuyển đến vị trí phù hợp để phục vụ cho các xã thuộc tiểu vùng 03, quy mô dự kiến khoảng 3-5 ha.

+ Các KXL rác hiện có khác khoanh vùng, hoàn nguyên môi trường phần diện tích không sử dụng, chuyển đổi thành các trạm trung chuyển rác của các xã.

9.8. Định hướng quy hoạch quản lý nghĩa trang

- Các khu nghĩa trang đô thị và nông thôn: Quản lý và xây dựng theo quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng nông thôn; tổ chức rà soát lập quy hoạch chi tiết xây dựng các khu nghĩa trang để quản lý, khai thác và tạo cảnh quan môi trường, cải tạo thành công viên nghĩa trang theo lộ trình cho phù hợp.

- Về dài hạn: Sử dụng nghĩa trang tập trung của thị trấn Ba Chẽ theo quy hoạch tỉnh đã xác định, cụ thể: Bố trí quỹ đất cho nghĩa trang nhân dân thị trấn, quy mô khoảng 5 - 10 ha và 01 nhà tang lễ trong phạm vi nghĩa trang.

9.9. Định hướng quy hoạch thông tin liên lạc:

- Nhu cầu đến năm 2030 khoảng 50.000 thuê bao; đến năm 2040: khoảng 75.000 thuê bao. Cơ bản vẫn duy trì các điểm phục vụ bưu chính, viễn thông hiện hữu, nâng cao chất lượng phục vụ.

- Quy hoạch khu vực, tuyến, hướng xây dựng hạ tầng đảm bảo theo Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tỉnh Quảng Ninh.

9.10. Định hướng quy hoạch phòng chống thiên tai

- Hoàn thiện và duy tu các tuyến đê sông Ba Chẽ, các cống tiêu dưới đê đảm bảo tiêu chuẩn chống lũ, xây dựng mới và nâng cấp, cải tạo các trạm bơm đảm bảo tưới và tiêu. Thực hiện từng bước kiên cố hóa hệ thống kênh mương.

- Không xây dựng công trình trong phạm vi bảo vệ đê điều, hành lang thoát lũ và phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi (trừ những công trình được phép xây dựng theo quy định của Luật Đê điều, Luật Thủy lợi). Việc sử dụng bãi sông nơi chưa có công trình xây dựng phải tuân thủ theo Điều 26 Luật Đê điều số 79/2006/QH11 ngày 29/11/2006.

9.11. Đánh giá môi trường chiến lược

- Các giải pháp chính về bảo vệ môi trường: Sử dụng, khai thác nguồn nước hợp lý, đảm bảo các quy định về môi trường trong khu vực bảo vệ nguồn nước; nghiêm cấm xả thải trực tiếp ra nguồn nước; duy trì và bảo vệ diện tích mặt nước, tạo vùng lưu trữ nước; tăng cường tỷ lệ và mật độ cây xanh; khuyến khích sử dụng công nghệ thân thiện môi trường trong sản xuất công nghiệp, nông nghiệp và sinh hoạt;

kiểm soát việc sử dụng hóa chất trong sản xuất nông nghiệp; tăng cường nhận thức và sự tham gia cộng đồng trong các vấn đề môi trường.

- Phân vùng và kiểm soát - bảo vệ môi trường:

+ Kiểm soát ô nhiễm nguồn nước mặt; môi trường đất, không khí đặc biệt tại các khu vực dự kiến xả thải, khu công viên, các điểm tập trung CTR; các vực nước lớn trong phạm vi quy hoạch các đô thị của huyện Ba Chẽ.

+ Cải thiện và sử dụng bền vững tài nguyên đất, xây dựng theo điều kiện địa hình tự nhiên, hạn chế san lấp. Xây dựng khu xử lý nước thải, phương án thu gom chất thải cho huyện Ba Chẽ.

+ Bảo vệ cảnh quan môi trường, kết nối hệ thống mặt nước, xóa bỏ các điểm ao tù đọng. Bảo vệ, phát triển các khu vực có tiềm năng khai thác du lịch, các thảm thực vật, diện tích đất nông nghiệp. Bảo vệ phát triển các hệ sinh thái tự nhiên, đảm bảo tỷ lệ diện tích đất cây xanh, mặt nước.

+ Đến năm 2040 phấn đấu 100% dân cư được dùng nước sạch, 99% chất thải sinh hoạt và dịch vụ đô thị được xử lý đảm bảo vệ sinh môi trường. Xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật.

9.12. Kinh tế xây dựng

- Giai đoạn 2022-2025: Ưu tiên triển khai các dự án động lực; tập trung hoàn thiện các dự án hạ tầng kinh tế - xã hội, hạ tầng chiến lược đã và đang triển khai; thu hút đầu tư lấp đầy cụm công nghiệp Nam Sơn; hoàn thiện và phê duyệt Quy hoạch chung thị trấn Ba Chẽ, quy hoạch các CCN Nam Sơn 2, Đạp Thanh, Thanh Lâm, khu du lịch, cơ sở thu hút đầu tư hệ thống hạ tầng khung cho các khu vực này. Triển khai các đề án, chương trình phát triển nông nghiệp theo hướng công nghệ cao, chất lượng cao, ứng dụng công nghệ hiện đại.

- Giai đoạn 2025-2030: Tiếp tục hoàn thiện các dự án phát triển du lịch; thu hút đầu tư vào CCN Nam Sơn 2, CCN Đạp Thanh, CCN Thanh Lâm. Hoàn thiện các chương trình phát triển nông lâm nghiệp theo hướng chất lượng cao, ứng dụng công nghệ hiện đại.

- Giai đoạn 2030-2040: Mở rộng theo các chiến lược phát triển mới, khai thác vùng dự trữ mở rộng và chuyển đổi chức năng các khu vực theo hướng khai thác sử dụng đất hiệu quả.

(Các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư tại Phụ lục kèm theo).

10. Một số nội dung cần tiếp tục nghiên cứu triển khai trong quá trình lập các quy hoạch chi tiết, triển khai các dự án:

- Đối với các khu vực có liên quan đến đất rừng: Yêu cầu rà soát, kiểm tra kỹ các khu vực liên quan, diện tích đất rừng cụ thể khi triển khai các dự án thành phần, quy hoạch chi tiết 1/500 dự án thành phần đảm bảo tuân thủ Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/11/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng và quy định tại Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 08/08/2017, các chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh về công tác quản lý rừng trên địa bàn tỉnh...

- Đối với các khu vực có liên quan đến đất quốc phòng, đất địa hình được quy hoạch quản lý theo Quyết định 2412/QĐ-TTg ngày 19/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ.

- Đối với việc phân kỳ giai đoạn thực hiện quy hoạch: Căn cứ định hướng trong quy hoạch xây dựng vùng huyện Ba Chẽ đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050, kế hoạch sử dụng đất của huyện Ba Chẽ, điều kiện hiện trạng, địa hình tự nhiên và những lợi thế phát triển của phân khu để xác định lộ trình đầu tư cho khu vực theo từng giai đoạn, ưu tiên để phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạng mục công trình....

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân huyện Ba Chẽ có trách nhiệm quản lý toàn diện các hoạt động về quy hoạch xây dựng trên địa bàn; tổ chức công bố công khai quy hoạch được duyệt; tổ chức lập chương trình phát triển đô thị trên địa bàn huyện; cung cấp thông tin về quy hoạch cho các tổ chức cá nhân theo quy định; rà soát, đánh giá, đề xuất thu hồi, hủy bỏ các quy hoạch không còn phù hợp, đề xuất kế hoạch việc lập mới hoặc điều chỉnh các quy hoạch chung, quy hoạch phân khu...trên địa bàn theo quy định để cụ thể hóa Quy hoạch xây dựng vùng huyện và làm cơ sở triển khai các dự án đầu tư; xác định cụ thể chương trình, hạng mục hạ tầng kỹ thuật ưu tiên đầu tư và nguồn lực thực hiện đảm bảo phù hợp.

2. Các sở: Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan chức năng có liên quan thực hiện quản quản lý Nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 3921/QĐ-UBND ngày 21/12/2010 của UBND tỉnh “V/v phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng (tỷ lệ 1/10.000) huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2010-2025 và tầm nhìn ngoài 2025”.

Điều 3. Các Ông (bà): Chánh Văn phòng UBND dân tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông Vận tải, Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giáo dục và Đào tạo, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Văn hoá và Thể thao, Du lịch, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Ba Chẽ, Thủ trưởng các ngành và đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./

Nơi nhận:

- QCT, P1;
 - Như Điều 3 (thực hiện);
 - V0-V3, QH1-3 QLDD1-3, XD1-5;
 - Lưu: VT, QH3.
- 05b - QĐ02-01

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
Q. CHỦ TỊCH



Cao Tường Huy